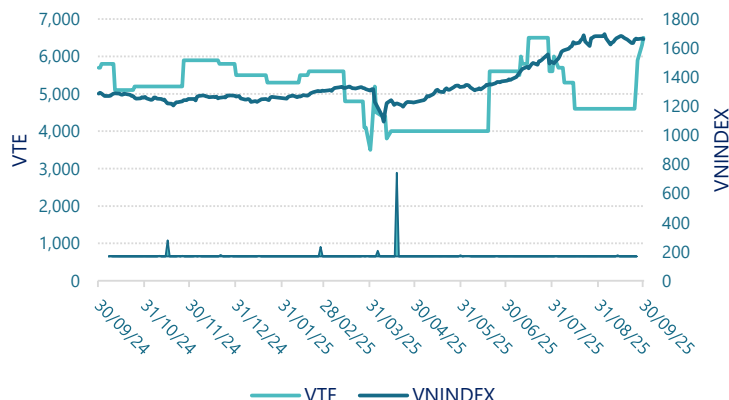




CTCP Vinacap Kim Long (UPCOM: VTE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	15,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	235
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	101
P/E	44.6
EPS	146

DT thuần

Q3/25

127

tỷ VNĐ

QoQ: ▼32.0| -19.9%

YoY: ▲ 67.1| 113%

LN sau thuế

Q3/25

0.57

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.42| 279%

YoY: ▲ 0.36| 171%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.1%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

9T 2025

397

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 197| 98.2%

LN sau thuế

9T 2025

1.25

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.85| 308%

ROE

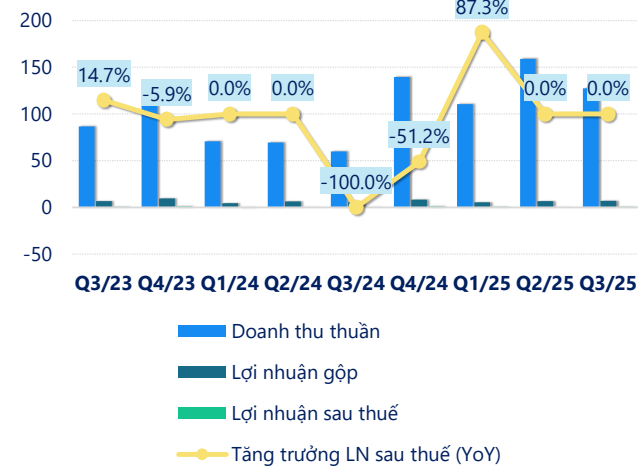
Q3/25

1.3%

+/- YoY: ▲ 1.1%

tỷ VNĐ

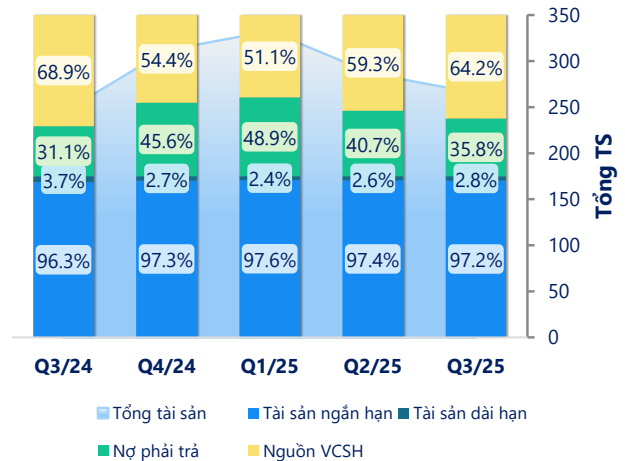
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

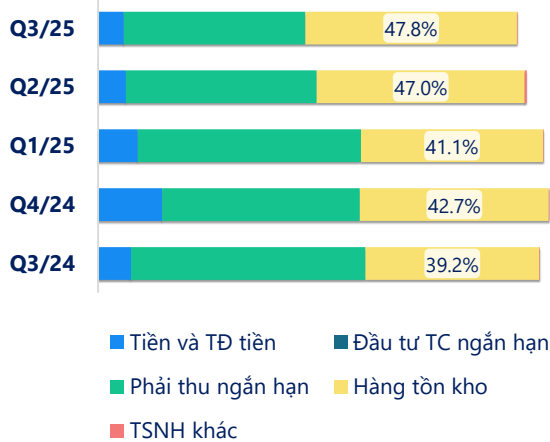
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



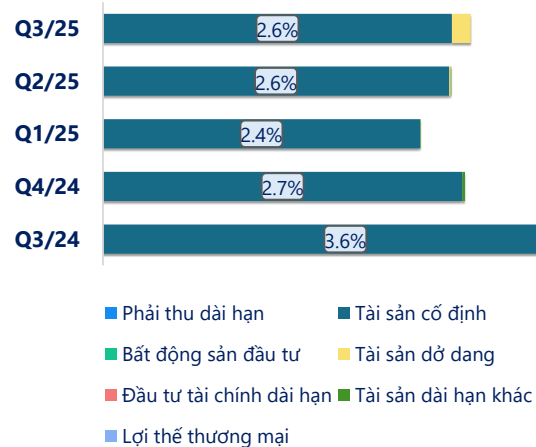
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

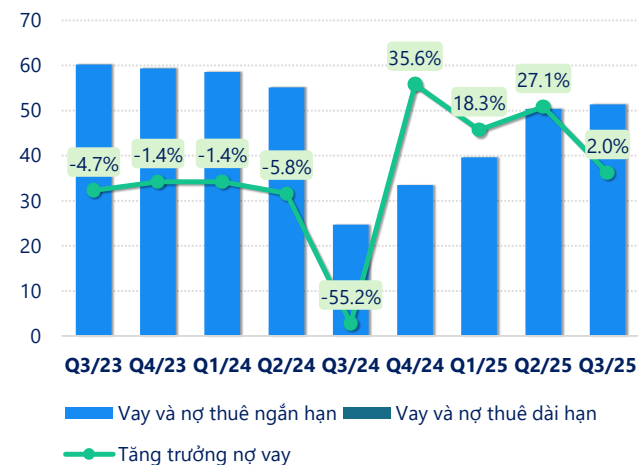
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

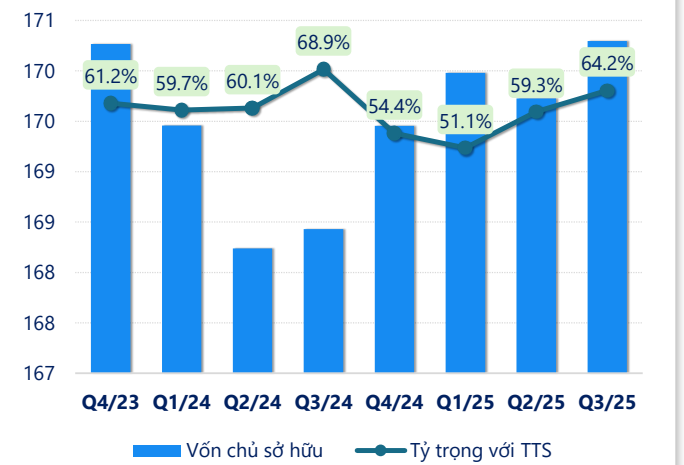
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

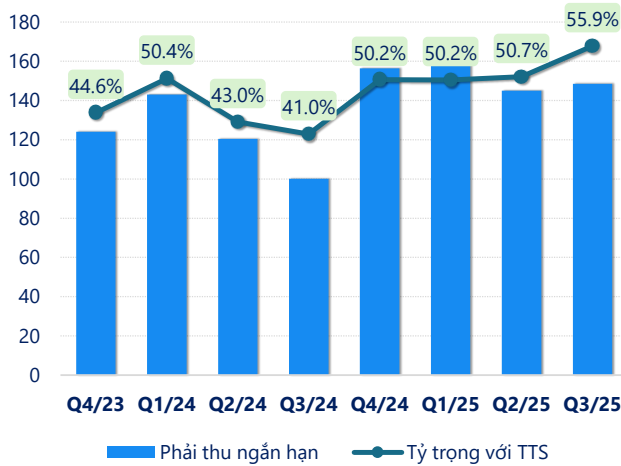
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



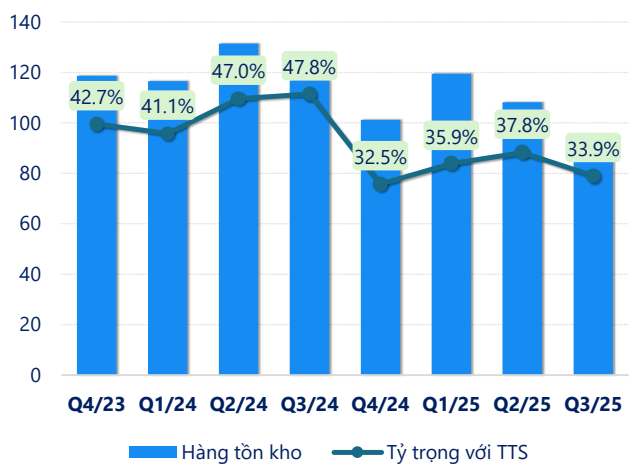
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


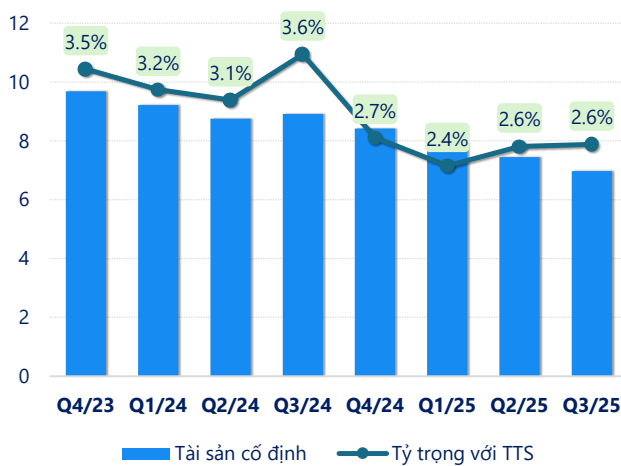
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


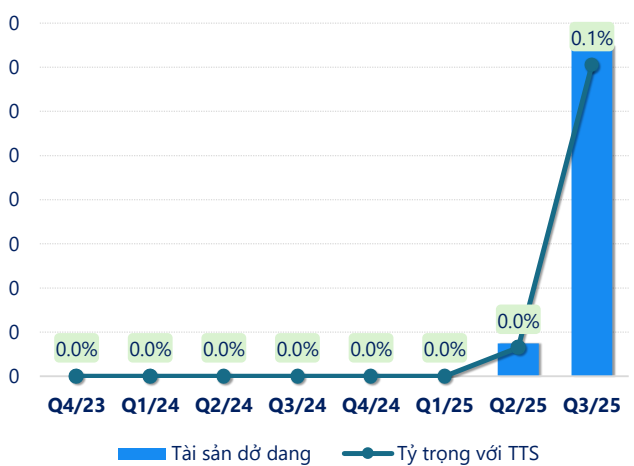
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

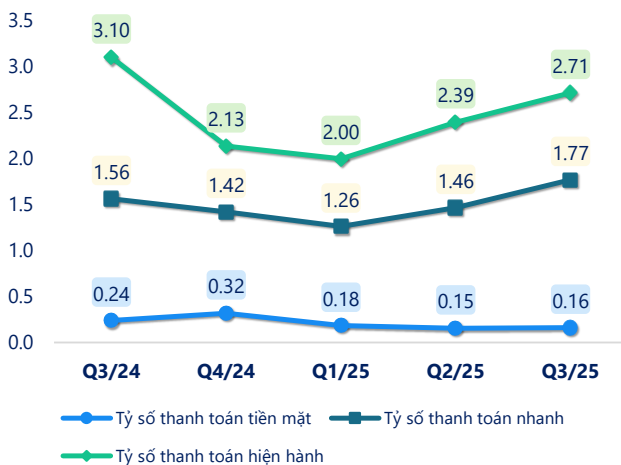
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

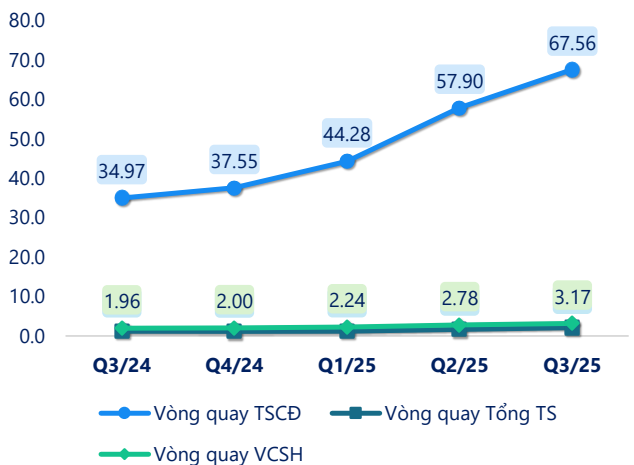
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	244	312	333	286	265
Tài sản ngắn hạn	235	303	325	279	258
Tiền và tương đương tiền	18.2	45.2	29.8	18.0	15.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	7.00	7.00	4.00
Phải thu ngắn hạn	100	156	167	145	148
Hàng tồn kho	117	101	120	108	89.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.33	0.34	1.50	0.40	0.33
Tài sản dài hạn	9.02	8.49	7.95	7.49	7.34
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	8.91	8.42	7.93	7.45	6.97
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.04	0.37
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.11	0.06	0.02	0.01	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	76.0	142	163	116	95.1
Nợ ngắn hạn	76.0	142	163	116	95.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.7	33.5	39.6	50.4	51.4
Phải trả người bán ngắn hạn	46.1	102	114	53.0	39.4
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	168	169	170	170	170
Vốn chủ sở hữu	168	169	170	170	170
Vốn điều lệ	156	156	156	156	156
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)